

UBND TỈNH BẮC LIÊU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẮC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀN	Số: 309
	Ngày 14/4/2022

PHIẾU XỬ LÝ CÔNG VĂN ĐỀN
Công văn số: 288/SKHCN- QLKH
Ngày: 12/4/2022

Tên công văn : SKHCN-Cơ quan phát hành: QLKH

Nội dung: Vv mời tham gia đề xuất nhiệm vụ
khoa học và công nghệ năm 2023.

Ý kiến Hiệu trưởng

Đề xuất của phòng TC-HC

Phòng QLKH sinh viên
Khai:

Ngày 14 tháng 4 năm 2022.

P. Hiệu trưởng

Phiếu này và công văn kèm theo được lưu tại phòng TC-HC(Văn thư hành chính) 1 bản để Trưởng phòng giúp lãnh đạo
theo dõi và phối hợp với các phòng khoa để tổ chức thực hiện.

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 288/SKHCN-QLKH

V/v mời tham gia đề xuất nhiệm vụ
khoa học và công nghệ năm 2023.

Kính gửi: - Các Viện, Trường Đại học (có danh sách mời kèm theo).

Thực hiện Công văn số 1779/UBND-KGVX ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho chủ trương tổ chức Hội thảo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh năm 2023. Dự kiến hội thảo sẽ tổ chức vào cuối tháng 4/2022 sẽ có thư mời sau.

Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau đề nghị quý Viện, trường đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2023 để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Các nhiệm vụ đề xuất mang tính cấp thiết, mới đáp ứng với yêu cầu phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh và phù hợp với “Chương trình Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 28/10/2021. Phiếu đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau, số 263 đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau trước ngày 21 tháng 4 năm 2022. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Nguyễn Đình Văn, Trưởng phòng QLKH, Điện thoại: 0913.619952, Email: ndvancm@gmail.com (Có mẫu phiếu đề xuất và tài liệu kèm theo).

Sở Khoa học và Công nghệ rất mong nhận được ý kiến đề xuất các nhiệm vụ khoa học, công nghệ năm 2023 của các Viện, trường./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLKH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 12 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phan Tân Thanh

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

1. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2. Trường Đại học Cần Thơ
3. Trường Đại học Bạc Liêu
4. Phân hiệu Đại học Bình Dương Cà Mau
5. Trường Đại học Y dược Cần Thơ
6. Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh
7. Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II, thành phố Hồ Chí Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Số: 1779 /UBND-KGVX

V/v cho chủ trương tổ chức Hội thảo
đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học
và công nghệ cấp tỉnh năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 04 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 12/TTr-SKHCN ngày 21/3/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xin chủ trương tổ chức Hội thảo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2023 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 964/STC-HCSN ngày 28/3/2022, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Thống nhất chủ trương để Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức Hội thảo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2023, như đề nghị tại văn bản nêu trên. Kinh phí thực hiện không vượt quá số tiền 33.050.000 đồng (*Ba mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2022 đã giao cho Sở Khoa học và Công nghệ. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo thiết thực, hiệu quả và đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Sở Tài chính;
- KGVX (AD120.3);
- Lưu: VT.KL152/3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sứ

PHIẾU ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ KHCN NĂM 2023
(Đơn vị đề xuất.....)

1. Tên nhiệm vụ 1:	
1.1. Sự cần thiết	
1.2. Mục tiêu	
1.3. Nội dung thực hiện	
1.4. Thời gian thực hiện	
1.5. Dự kiến kinh phí	
1.6. Dự kiến kết quả đạt được	
2. Tên nhiệm vụ 2:	
1.1. Sự cần thiết	
1.2. Mục tiêu	
1.3. Nội dung thực hiện	
1.4. Thời gian thực hiện	
1.5. Dự kiến kinh phí	
1.6. Dự kiến kết quả đạt được	



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 28.10.2021 14:20:13 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Số: 2297/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 28 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Chương trình Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Thông báo số 1544/TB-VP ngày 07/4/2021);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 50/TTr-SKHCN ngày 17/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Chương trình nêu trên đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Về kinh phí thực hiện: Hàng năm, căn cứ vào Chương trình được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

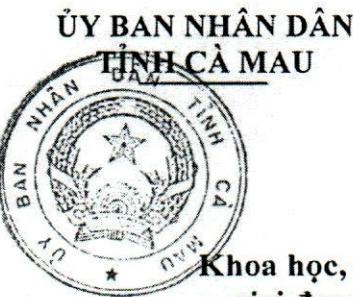
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- Phòng KGVX (AD154.10);
- Lưu: VT.KL120/10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Thời gian qua, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN và ĐMST) tỉnh Cà Mau được triển khai và đạt nhiều kết quả khả quan, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) đã có những đổi mới tích cực trong việc thực hiện phương thức giao trực tiếp có trọng tâm, chọn lọc trong xét tuyển các nhiệm vụ KH&CN. Ưu tiên xét chọn các nhiệm vụ mang tính bức xúc, giải quyết các vấn đề cấp thiết của các ngành, địa phương.

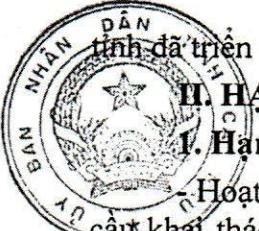
- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được triển khai rộng rãi trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Đã thực hiện 89 đề tài, dự án; nghiệm thu 56 đề tài, dự án; có trên 70% đề tài, dự án sau khi nghiệm thu được bàn giao cho các sở, ngành và địa phương để đưa vào ứng dụng nhằm rộng rãi vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Quản lý nhà nước về đo lường chất lượng, phân tích kiểm nghiệm ngày càng được tăng cường, đáp ứng với yêu cầu đề ra. Hoạt động quản lý, kiểm tra về chất lượng hàng hóa được thực hiện thường xuyên. Đã hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia, kết quả đạt được 04 giải vàng và 01 giải bạc.

- Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ (ATBX) được quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tích cực. Toàn tỉnh có 19 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu (10 nhãn hiệu tập thể, 09 nhãn hiệu chứng nhận). Hàng năm, hướng dẫn bình quân 70 cơ sở đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và có bình quân trên 50 cơ sở được cấp văn bằng bảo hộ.

- Tiềm lực KH&CN của các đơn vị sự nghiệp công lập được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng điều kiện hoạt động. Thị trường KH&CN từng bước hình thành, bước đầu tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các hoạt động khởi nghiệp bước đầu được triển khai và đi vào cuộc sống,



tỉnh đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ cho các đối tượng tham gia khởi nghiệp.

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Hoạt động KHCN và ĐMST tuy có bước phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh; chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư cho KH&CN đã có bước phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các địa phương chưa chặt chẽ trong việc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ cấp thiết về KH&CN để giải quyết các vấn đề từ thực tiễn đặt ra.

2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một số ngành, địa phương, doanh nghiệp về vai trò, động lực của nghiên cứu, ứng dụng và phát triển KHCN và ĐMST chưa đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy phát triển. Nguồn lực đầu tư cho KHCN và ĐMST chưa tương xứng.

- Cơ chế chính sách còn thiếu, chưa tạo thành động lực để thu hút doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nên chưa huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội và doanh nghiệp đầu tư cho phát triển KHCN và ĐMST; số doanh nghiệp được hỗ trợ đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới còn ít.

- Chưa thành lập Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, việc thành lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp còn gặp khó khăn.

- Chính sách để thu hút đội ngũ cán bộ KH&CN đầu ngành, nhà khoa học tài năng trong và ngoài tỉnh cùng hợp tác, hỗ trợ giải quyết các vấn đề trọng tâm của tỉnh chưa nhiều.

- Việc nhân rộng kết quả nghiên cứu còn chậm, chưa thu hút nguồn lực xã hội đầu tư chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Quán triệt thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm xây dựng tỉnh Cà Mau phát triển nhanh, bền vững.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các mô hình tiên bội khoa học kỹ thuật mới và tiên tiến, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần



thứ tư nhằm khai thác hiệu quả và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương; đưa KHCN và ĐMST trở thành động lực chính trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm góp phần phát triển bền vững tỉnh Cà Mau và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN của tỉnh đạt trình độ trung bình chung của cả nước. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 25%. Tỷ trọng đóng góp của KH&CN thông qua TFP (năng suất các yếu tố tổng hợp) khoảng 45% vào tăng trưởng kinh tế.

- 100% tổ chức KH&CN công lập được chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo lộ trình Chính phủ quy định.

- 100% dự án đầu tư mới vào địa bàn tỉnh, thuộc danh mục thẩm định công nghệ phải được thẩm định theo quy định.

- Chuyển giao và làm chủ tối thiểu 15 công nghệ để ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

- Trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển KH&CN công lập có ít nhất 20% số cán bộ có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

- Bảo hộ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước từ 15 đối tượng trở lên đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù và sản phẩm làng nghề mang danh hiệu của địa phương.

- Hỗ trợ để hình thành và phát triển từ 10 doanh nghiệp KH&CN trở lên.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động KHCN và ĐMST, phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Hỗ trợ từ 15 dự án trở lên về khởi nghiệp ĐMST.

- Triển khai thực hiện Chương trình KHCN cấp tỉnh từ 40 nhiệm vụ trở lên, đồng thời thực hiện ít nhất 45 nhiệm vụ thuộc 03 Chương trình khoa học công nghệ gồm: Ứng dụng KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển sản phẩm OCOP; ứng dụng nhân rộng kết quả nghiên cứu thử nghiệm vào sản xuất và đời sống; xây dựng bảo hộ và quản lý phát triển cho các sản phẩm đặc thù và đặc sản ở địa phương.

- Triển khai xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho ít nhất 30 sản phẩm (bao gồm các sản phẩm đặc sản, đặc thù của địa phương; các sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ và các sản phẩm OCOP của tỉnh). Trong đó, có từ 60 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trở lên tham gia truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

- Tối thiểu 30% các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống truy xuất nguồn gốc kết nối với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Xây dựng, ban hành ít nhất 06 quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn được ít nhất 30 chuyên gia năng suất



chất lượng tại các sở, ngành và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ ít nhất 50 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia/tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở tập trung vào các sản phẩm, hàng hóa chủ lực; xây dựng, áp dụng và *chứng nhận từ 01 đến 03 hệ thống quản lý chất lượng hoặc công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến cho 20 - 25 lượt doanh nghiệp tham gia.

- Hỗ trợ ít nhất 05 lượt doanh nghiệp tham gia và được trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, trong đó có ít nhất 02 lượt doanh nghiệp được trao tặng Giải Vàng Chất lượng Quốc gia hoặc Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

- Tăng cường năng lực cho ít nhất 01 tổ chức đối với lĩnh vực chứng nhận sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, an toàn thực phẩm, môi trường... phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế.

- Hỗ trợ ít nhất 30 lượt doanh nghiệp thực hiện các mô hình sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

- Hỗ trợ chuyển đổi số cho ít nhất 05 doanh nghiệp, cơ quan quản lý để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản lý và quản trị doanh nghiệp.

2.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 30%. Tỷ trọng đóng góp của KH&CN thông qua TFP khoảng 50% vào tăng trưởng kinh tế.

- 100% dự án đầu tư mới vào địa bàn tỉnh, thuộc danh mục thẩm định công nghệ phải được thẩm định theo quy định.

- Trong các tổ chức KH&CN nghiên cứu và phát triển công lập có ít nhất 30% số cán bộ có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

- Bảo hộ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước từ 20 đối tượng trở lên đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù và sản phẩm làng nghề mang danh hiệu của địa phương.

- Hỗ trợ để hình thành và phát triển từ 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trở lên.

- Chuyển giao và làm chủ tối thiểu 20 công nghệ để ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động KHCN và ĐMST, phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Hỗ trợ ít nhất từ 20 dự án về khởi nghiệp ĐMST.

- Triển khai thực hiện Chương trình KHCN cấp tỉnh từ 50 nhiệm vụ trở lên, đồng thời thực hiện ít nhất 60 nhiệm vụ thuộc 03 Chương trình khoa học công nghệ gồm: Ứng dụng KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển sản phẩm OCOP; ứng dụng nhân rộng kết quả nghiên cứu thử nghiệm vào sản xuất và đời sống; xây dựng bảo hộ và quản lý phát triển cho các sản



phẩm đặc thù và đặc sản ở địa phương.

Tiếp tục triển khai các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”; Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030”; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 về việc ban hành “Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030”.

II. NHIỆM VỤ

Tiếp tục đề xuất với Bộ KH&CN các nhiệm vụ KH&CN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương thuộc các chương trình trọng điểm cấp quốc gia. Triển khai các nhiệm vụ thuộc các Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện từ năm 2021-2025. Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KHCN gắn với nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, ứng dụng mạnh mẽ KHCN và ĐMST, chuyển đổi số. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ KH&CN tập trung vào các nội dung trọng tâm sau: (1) Nghiên cứu, ứng dụng KHCN phát triển kinh tế biển; (2) Nghiên cứu ứng dụng KHCN vào sản xuất và đời sống thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH); (3) Nghiên cứu ứng dụng năng lượng tái tạo; (4) Nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao giá trị hàng hóa có thế mạnh của tỉnh; (5) Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; (6) Nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, theo các định hướng như sau:

1. Nghiên cứu, ứng dụng KHCN phát triển kinh tế biển

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi các đối tượng thủy hải sản có giá trị kinh tế như: Hàu, tôm hùm, cá bóp, cá mú, tôm tít...

- Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình nuôi trồng thủy sản ven bờ gắn với bảo vệ rừng phòng hộ. Thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản.

- Nghiên cứu các giải pháp đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực ven biển, gồm cả hạ tầng các đô thị ven biển để mở rộng không gian phát triển, kết nối với các trung tâm kinh tế ven biển.

2. Nghiên cứu, ứng dụng KHCN vào sản xuất và đời sống thích ứng với BĐKH

- Triển khai thực hiện các giải pháp công nghệ phát triển nông nghiệp theo hướng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đầu tư xây dựng để sắp xếp, bố trí dân cư và sinh kế người dân vùng ven sông, ven biển phù hợp với điều kiện của tỉnh để phát triển và thích ứng với BĐKH.

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường ở các khu đô thị, khu công nghiệp, vùng nông thôn tác động trực tiếp đến sức khỏe nhân dân; công nghệ xử lý tái chế nước thải nuôi tôm công nghiệp giảm thiểu ô nhiễm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.



- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xử lý nền đất yếu phục vụ các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Chú trọng ứng dụng các công nghệ kè chống sạt lở đê sông, đê biển, sụp lún các tuyến đường giao thông; các giải pháp hạn chế tác động do hạn hán, xâm nhập mặn, mực nước ngầm bị suy giảm, thiếu nước ngọt sinh hoạt và phục vụ sản xuất...

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học nhằm lai tạo, chọn các giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu, bệnh và có khả năng thích nghi tốt trong điều kiện BĐKH. Trồng thử nghiệm một số loài cây ăn trái bản địa và ngoại nhập có giá trị kinh tế cao để đánh giá sự thích nghi, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái, để chuyển đổi diện tích bị ảnh hưởng của BĐKH.

- Nghiên cứu, ứng dụng để xây dựng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, ... đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo chuỗi liên kết, chăn nuôi hữu cơ, gắn sản xuất chăn nuôi với giết mổ, chế biến công nghiệp tập trung và thị trường tiêu thụ.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, thiết bị, vật liệu tiên tiến đáp ứng nhu cầu về tưới tiêu chủ động, phòng tránh thiên tai, phát triển nông nghiệp thích ứng với BĐKH.

- Nghiên cứu bảo tồn và khai thác hợp lý, bền vững có hiệu quả cao các nguồn gen trong nông nghiệp, đặc biệt là các nguồn gen đặc hữu địa phương phục vụ cho việc tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng KHCN tiên tiến trong khai thác, bảo quản, sản phẩm thủy sản.

- Phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, hữu cơ với quy mô lớn trong xây dựng nông thôn mới gắn với triển khai chương trình OCOP của địa phương. Ứng dụng công nghệ tiên tiến để chế biến, bảo quản một số đặc sản truyền thống, sản phẩm OCOP bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ vào sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản tập trung vào các đối tượng thủy sản, hải sản chủ lực của tỉnh có khả năng tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, có tính cạnh tranh cao, ổn định và bền vững phù hợp các vùng sinh thái. Thủ nghiệm, đa dạng các đối tượng nuôi thủy sản mặn lợ để tận dụng lợi thế của địa phương.

- Áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi tôm, hình thành các vùng nuôi tôm siêu thảm canh tập trung đáp ứng đủ các điều kiện sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm tôm của tỉnh.

3. Nghiên cứu ứng dụng phát triển năng lượng tái tạo

- Nghiên cứu và ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sóng biển, năng lượng sinh khối, nhiên liệu sinh học.

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp KH&CN nhằm sử dụng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong các khâu sản xuất, truyền tải và tiêu thụ năng lượng; xây dựng lưới điện thông minh.



4. Nghiên cứu phát triển đổi mới, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao giá trị hàng hóa có thế mạnh của tỉnh

Phát triển các nhà máy chế biến thủy sản sử dụng công nghệ hiện đại, tạo ra các sản phẩm chủ lực đa dạng, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến và giải pháp phù hợp để chế biến, bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản nâng cao giá trị gia tăng, góp phần xây dựng các thương hiệu cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực quốc gia, sản phẩm đặc thù của địa phương.

- Đổi mới công nghệ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, công nghệ phục vụ khai thác phát triển kinh tế biển, kinh tế nông nghiệp,...

- Nhận chuyển giao các quy trình, công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống cho người dân và doanh nghiệp về các lĩnh vực: thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, công nghệ sinh học, công nghệ cao, tự động hóa, năng lượng tái tạo, bảo quản sản phẩm nông sản sau thu hoạch,...

5. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để khuyễn khích, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST nhằm đóng góp vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Thực hiện đề án hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các hoạt động khởi nghiệp theo kế hoạch hàng năm của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh.

- Chuyển giao, ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT) trong nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên rừng, đất đai, quản lý biên giới biển, đảo.

6. Nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Các vấn đề mới phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KH&CN hiện đại, các phương pháp điều trị bệnh kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong phòng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh phổ biến, bệnh mới phát sinh trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào gốc vào điều trị các bệnh hiểm nghèo cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu, các dược chất phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, phát huy ưu thế, tiềm năng về nguồn dược liệu của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn về tiềm năng, lợi thế và thách thức đối với phát triển nông nghiệp của tỉnh, đề xuất các định hướng và giải pháp tái cơ cấu



nông nghiệp, phát triển nông nghiệp đi vào chiều sâu theo hướng sản xuất hàng hóa ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

2- Nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ để người dân ven biển chuyển đổi nghề từ các hoạt động khai thác hải sản gần bờ có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến nguồn lợi biển sang đầy mạnh khai thác hải sản xa bờ nhằm bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản, tạo sinh kế bền vững, ổn định việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm, mô hình du lịch của tỉnh gắn với tiềm năng thế mạnh của tỉnh, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch gắn với phát triển kinh tế xanh.

- Nghiên cứu, xây dựng hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và quản lý phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù và đặc sản ở địa phương.

- Nghiên cứu các giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền

Các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan truyền thông, báo chí tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Chương trình số 02-CTr/TU ngày 22/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; và các văn bản khác có liên quan đến phát triển KHCN và ĐMST đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của KHCN và ĐMST phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thủ trưởng các đơn vị phát huy trách nhiệm người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

2. Rà soát, cụ thể hóa các chính sách quản lý nhà nước về KHCN và ĐMST

a) Sắp xếp lại hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp KH&CN phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KHCN và ĐMST công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KHCN và ĐMST.

b) Thành lập Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Cà Mau khi có đủ điều kiện. Khuyến khích các doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN theo quy định. Đơn giản hóa các thủ tục quản lý và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để tăng cường đầu tư cho ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

c) Rà soát, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về KH&CN phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương để khuyến khích, thu hút



nguồn lực xã hội đầu tư vào KHCN và ĐMST; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý KH&CN để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KH&CN vào sản xuất, kinh doanh nhằm phát triển thị trường KHCN và ĐMST.

d) Tăng cường liên kết giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với các viện, trường để đưa nhanh kết quả nghiên cứu KH&CN vào phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Điều chỉnh cơ cấu trong dự toán chi ngân sách tỉnh cho KH&CN phù hợp với năng lực và định hướng phát triển KH&CN các ngành, địa phương. Từng bước nâng dần chi sự nghiệp KHCN và ĐMST đảm bảo 2% trong tổng chi ngân sách tỉnh.

e) Phát huy vai trò các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động KHCN và ĐMST. Thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, khởi nghiệp, hỗ trợ các hội thi, cuộc thi về sáng tạo khoa học kỹ thuật; các hiệp hội doanh nghiệp thực hiện các hoạt động ĐMST.

g) Triển khai chính sách, giải pháp tạo lập thị trường cho các doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KHCN.

h) Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sản xuất ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số và ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh thương mại.

3. Phát triển thị trường KHCN và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST

a) Thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ, phổ biến thông tin, tư vấn chuyển giao, đánh giá công nghệ, các dịch vụ KH&CN; phát triển doanh nghiệp, tổ chức KH&CN; phát huy sáng kiến, sáng tạo, sáng chế và giải pháp hữu ích; hỗ trợ hình thành các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; xúc tiến kết nối cung, cầu công nghệ; truyền thông, thông kê và thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ.

b) Từng bước kết nối thông tin KH&CN của tỉnh với các sàn giao dịch công nghệ quốc gia; khuyến khích, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng nâng cao trình độ, năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ, thúc đẩy, kích cầu thị trường KH&CN.

c) Hợp tác phát triển hoạt động KHCN và ĐMST giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực trong nhà trường phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp; gắn khởi nghiệp ĐMST với phát triển doanh nghiệp KH&CN, kết nối các hoạt động khởi nghiệp của doanh nghiệp với các viện, trường đại học, khu công nghệ cao; mở rộng kết nối vùng và hợp tác quốc tế.

4. Tăng cường tiềm lực KH&CN

a) Tăng cường tiềm lực cho các đơn vị sự nghiệp KHCN công lập của tỉnh đáp ứng điều kiện thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và khả năng tự chủ theo quy định.



- b) Khai thác hạ tầng thông tin và thống kê KHCN; kết nối nguồn thông tin KH&CN quốc gia phục vụ nghiên cứu triển khai ứng dụng KH&CN.
- c) Triển khai thực hiện các quy định về trọng dụng, đài ngộ, tôn vinh trí thức trong lĩnh vực KH&CN, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, các chuyên gia có trình độ cao, năng lực nghiên cứu tốt.

5. Hợp tác về KH&CN

a) Tích cực hợp tác với các đối tác trong vùng, các viện, trường trên các lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao và đào tạo nhân lực KH&CN, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gắn với các chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp để cùng tham gia phát triển KHCN, thu hút nguồn vốn thực hiện các dự án phát triển KHCN và ĐMST.

c) Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, triển lãm giới thiệu thành tựu KH&CN tiên tiến; hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thu hút dự án đầu tư công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được đảm bảo từ Ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm cho sự nghiệp KHCN.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

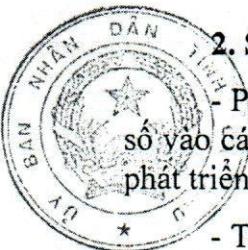
Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và triển khai, thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các sở, ban, ngành, viện, trường và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau thực hiện tốt chương trình này.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn doanh nghiệp thành lập, sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp theo quy định; tham mưu thành lập Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh khi đủ điều kiện.

- Theo dõi tiến độ triển khai, định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện, tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết chương trình. Kịp thời đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Hàng năm căn cứ vào Chương trình này thông báo đến các tổ chức, cá nhân đề xuất các nhiệm vụ KHCN, thông qua Hội đồng khoa học để tuyển chọn và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện.



2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp triển khai và đưa vào ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các hoạt động nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ số trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH.
- Ưu tiên phát triển hạ tầng băng thông rộng và các dịch vụ phần mềm, nội dung số. Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về: Nghiên cứu, ứng dụng KHCN phát triển kinh tế biển; nghiên cứu ứng dụng KHCN vào sản xuất và đời sống thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Tổ chức hướng dẫn, xây dựng, hình thành và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.
- Phối hợp với các viện, trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sóng biển, năng lượng sinh khối, nhiên liệu sinh học; nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp và phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh.
- Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030.
- Tổ chức tuyên truyền về Hội nhập kinh tế quốc tế, phổ biến các cam kết quốc tế. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử vào xây dựng thương hiệu trực tuyến, góp phần xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN về: Nghiên cứu ứng dụng KHCN vào sản xuất và đời sống thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao công nghệ có liên quan đến lĩnh vực môi trường.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN về nghiên cứu các giải pháp đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực ven biển, hạ tầng các đô thị ven biển để mở rộng không gian phát triển, kết nối với các trung tâm kinh tế ven biển.



7. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành, đơn vị liên quan: Rà soát sắp xếp lại hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp KH&CN; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý về KH&CN đối với lực lượng cán bộ quản lý KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện.

- Triển khai thực hiện các chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ KH&CN theo quy định.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các dự án tăng cường tiềm lực KH&CN.

- Phối hợp với Sở Tài chính có ý kiến về bố trí nguồn kinh phí thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành có liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo quy định.

9. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

10. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN về khởi nghiệp và ĐMST hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến kết nối cung, cầu công nghệ, truyền thông, kết nối với các sàn giao dịch thương mại điện tử; khuyến khích, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng nâng cao trình độ, năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ.

- Hợp tác phát triển hoạt động giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, kết nối các hoạt động khởi nghiệp của doanh nghiệp với các viện, trường đại học, khu công nghệ cao; mở rộng kết nối vùng và hợp tác quốc tế.

11. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

- Căn cứ vào nội dung Chương trình các nhiệm vụ có liên quan, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đẩy mạnh việc triển khai hoạt động KH&CN cấp huyện, đặc biệt là đối với việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, thông tin phổ biến pháp luật về KH&CN, ứng dụng các tiến bộ KH&CN, ĐMST trên địa bàn.

12. Các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN

Các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp căn cứ vào nội dung và giải pháp của Chương trình chủ động đăng ký, tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng,



chuyển giao KHCN và ĐMST tại doanh nghiệp.

* Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



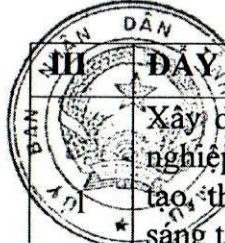
Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

(Theo Quyết định số: 229/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian trình
I	ĐỔI MỚI ĐỘNG BỘ TỔ CHỨC, CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
1	Chuyển đổi các tổ chức Khoa học và Công nghệ công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo lộ trình Chính phủ quy định.	Các tổ chức Khoa học và Công nghệ công lập	Sở Khoa học và Công nghệ	2021 - 2025	Quý III/2022
2	Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, thay thế các quy định quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp	2021 - 2022	Quý III/2022
3	Thành lập tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	2021 - 2022	Quý III/2022
4	Tính toán, xác định trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất và đánh giá chỉ số tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	2022 - 2025	Quý III/2022
5	Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo và thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	2022 - 2025	Tháng 9 hàng năm

	nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.				
6	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia/tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở; sử dụng mã số, mã vạch truy xuất nguồn gốc ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	2021 - 2025	Tháng 9 hàng năm
II	NÂNG CAO TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
1	Xây dựng tiêu chí chuyên gia, nhóm chuyên gia Khoa học và Công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực để cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức Khoa học và Công nghệ có nhu cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường đại học; các tổ chức Khoa học và Công nghệ	2021 - 2022	Quý III/2022
2	Nâng cao tiềm lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chuyển đổi thành doanh nghiệp khoa học công nghệ và tự chủ tài chính theo lộ trình quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021 - 2025	Tháng 9, Hàng năm
3	Hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	2021 - 2025	Quý III/2022
4	Đề án phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong ngành thủy sản (<i>Theo Quyết định 1846/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (iPEC)	2021 - 2030	Năm 2022 (theo tiến độ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



III. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO					
	Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (iPEC)	2021 - 2025	2022
2	Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021 - 2025	Tháng 9, Hàng năm
3	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, các địa phương trong tỉnh	2021 - 2025	Tháng 9, Hàng năm